

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/DS-PT

Ngày: 03/8/2022.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Võ Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Bà Hậu Mộng Thúy - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/TLPT-DS ngày 30/5/2022 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DSST, ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐ-PT ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H:

Phạm Duy M, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Minh H, sinh năm 1970 ;

Nguyễn Bảo Phương T, sinh ngày 01/9/2000 ;

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của H,T:

Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Đại diện ủy quyền bị đơn Nguyễn Minh H, Nguyễn Bảo Phương T là Nguyễn Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Võ Thị Cẩm H trình bày: Vào ngày 12/7/2016, do quen biết, chị H có cho anh H và T vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 10 tháng và có làm “Giấy mượn tiền” cùng ngày, anh H và T có ký tên vào giấy mượn tiền. Trong năm 2017, anh H và T có trả cho chị H 21.000.000 đồng tiền lãi và sau đó đến cuối năm 2017 thì ngưng không trả vốn lãi cho đến nay. Chị H đã nhiều lần yêu cầu anh H và chị T trả tiền nhưng anh H, chị T cố tình trốn tránh. Chị H yêu cầu anh H, chị T có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vay còn nợ là 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn Nguyễn Minh H, Nguyễn Bảo Phương T có người đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Tuyết M trình bày: Anh H, chị T không có vay tiền của chị H như chị H yêu cầu. Vào năm 2016, anh H có thỏa thuận làm ăn với gia đình chị H, gia đình chị H đưa tiền cho anh H, anh H sẽ cho người khác vay lại, anh H được gia đình chị H trả tiền hoa hồng, anh H có trách nhiệm thu tiền lãi và tiền gốc cho gia đình chị H, nếu người nào không trả tiền cho chị H thì anh H phải gánh số tiền này thành tiền nợ của anh H;

Đầu năm 2016, anh H nợ chị H 97.000.000 đồng, chị H yêu cầu anh H cầm sổ đỏ nhưng anh H không có sổ, anh H nói chỉ có em ruột của anh H mới có sổ đỏ nhưng anh H đã thế chấp cho Ngân hàng Mê-Kông để vay số tiền 135.000.000 đồng, chị H đồng ý bỏ tiền ra chuộc sổ đỏ cho anh H nhưng anh H phải sang tên sổ đỏ cho chị H;

Chị H sợ khi đã trả tiền cho ngân hàng, anh H không chịu sang tên sổ đỏ nên trước khi đến ngân hàng chị H buộc anh H phải làm biên nhận nợ, với số tiền là 300.000.000 đồng. Lúc này, chị T đi theo cùng nên chị H buộc chị T phải ký tên vào biên nhận. Tổng cộng số tiền thực tế anh H nợ chị H lúc này gồm tiền nợ, tiền lãi, tiền sang tên giấy đỏ là 250.000.000 đồng;

Sau đó, anh H lại ghi nợ chị H 300.000.000 đồng với hình thức nêu trên, nên mỗi tháng anh H phải trả lãi cho chị H là 16.000.000 đồng. Anh H không có khả năng trả lãi cho chị H nên đến ngày 26/11/2017 âm lịch, chị H có xuống nhà anh H và chị H yêu cầu phải dọn đồ ra khỏi nhà, có Công an huyện Gò Công Đông và Công an thị trấn Vàm Láng đến lập biên bản nhưng trong ngày này chị H không nhắc gì đến số tiền 300.000.000 đồng, chỉ yêu cầu về phần căn nhà. Anh H, chị T không nợ tiền chị H nên không đồng ý trả.

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DSST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân Sự; khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm H.

Buộc anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Bảo Phương T có nghĩa vụ liên đới trả lại chị Võ Thị Cẩm H số tiền 279.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H và chị T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh H và chị T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên phạt án phí, quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 09/3/2022, đại diện ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Tuyết M kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Tuyết M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phạm Duy M đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Minh H, Nguyễn Bảo Phương T. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc liên đới đối với chị Nguyễn Bảo Phương T là không phù hợp, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân Sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 09/3/2022 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 11/3/2022 của đại diện bị đơn là bà Nguyễn Tuyết M thì bị đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, các đương sự có mặt, vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện bị đơn là bà Nguyễn Tuyết M về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 12/7/2016, chị Võ Thị Cẩm H có cho anh Nguyễn Minh H vay số tiền 300.000.000 đồng. Anh H có viết giấy mượn và ký tên vào giấy mượn tiền. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H cũng thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 12/7/2016 và nhận tiền từ chị H;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của anh H, chị T thừa nhận biên nhận mượn tiền ngày 12/7/2016 là chữ ký của anh Hiền, chị T tại bên mượn tiền;

Đại diện ủy quyền của anh H cho rằng số tiền mượn 300.000.000 đồng chỉ là tiền chị H cho người khác vay, anh H chỉ tìm người cho vay và hưởng hoa hồng từ việc này, anh H không có mượn số tiền này của chị H. Đại diện ủy quyền của chị H không thừa nhận như lời trình bày đại diện ủy quyền của anh H, chị T. Đại diện ủy quyền của anh H, chị T cũng không có căn cứ chứng minh ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét;

Đại diện ủy quyền của chị H thừa nhận trong năm 2017, anh H có trả cho chị H 21.000.000 đồng nên anh H còn nợ số tiền 279.000.000 đồng;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của Võ Thị Cẩm H có cơ sở, bởi vì: Căn cứ vào biên nhận ngày 12/7/2016 và lời thừa nhận của đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Bảo Phương T thì anh H có làm biên nhận mượn tiền của chị H với số tiền 300.000.000 đồng, anh H có trả cho chị Hiền 21.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 279.000.000 đồng và anh H chưa trả số tiền trên cho chị H. Do đó cần buộc anh H có nghĩa vụ trả số tiền 279.000.000 đồng cho chị H.

Đại diện ủy quyền của anh H, chị T cho rằng biên bản xác minh ngày 12/01/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm được lập ngoài trụ sở là biên bản được đánh máy trước rồi in ra là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Điều 97 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự thì không có quy định nào bắt buộc Tòa án khi xác minh, thu thập chứng cứ thì phải là văn bản viết tay hay văn bản đánh máy, mà biên bản xác minh ngày 12/01/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm không phải là chứng cứ duy nhất để xác định anh H không có vay, mượn tiền của chị H. Do đó, đại diện của bị đơn cho rằng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ;

Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T liên đới cùng anh H trả số tiền vay cho chị H là không phù hợp, bởi vì: Căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 12/7/2016, chị T chưa đủ 18 tuổi và việc xác lập quan hệ hợp đồng thì phải có người đại

diện hợp pháp của chị T, trong biên nhận mượn tiền đã ghi rõ bên cho mượn là chị Võ Thị Cẩm H, bên mượn là anh Nguyễn Minh H, tại phần ký, ghi rõ họ tên bên mượn thì có chữ ký anh H và chị T. Căn cứ vào lời trình bày của đại diện chị T thì tại thời điểm mượn tiền chị T là con của anh H chỉ đi theo anh H nhưng chị H yêu cầu chị T ký tên, chị T chỉ là người chứng kiến sự việc. Vì vậy cấp sơ thẩm buộc chị T liên đới cùng anh H trả số tiền mượn cho chị H là không phù hợp;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Bảo Phương T không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Bảo Phương T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh H, Nguyễn Bảo Phương T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Bảo Phương T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DSST, ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm H.

Buộc anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Cẩm H số tiền 279.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày chị Võ Thị Cẩm H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Minh H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh H phải chịu 13.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh H, Nguyễn Bảo Phương T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà đại diện ủy quyền của anh H, chị T là Nguyễn Tuyết M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007670 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Bảo Phương T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu